

Bản án số: 467/2020/DS-ST

Ngày: 03/7/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Xuân Mai
2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Mộng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1254/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 54/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1973

Địa chỉ: 361/5D Đường B, Phường C, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh.

Có ông K, là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền lập ngày 22/10/2019 tại Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân Ngụ.

*Bị đơn:* Ông Huỳnh Kim Đ, sinh năm 1985

Địa chỉ: 25/42 Đường Đ, Phường E, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

*(Ông K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Đ vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T có ông K là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 27/10/2017, ông Huỳnh Kim Đ và bà Nguyễn Thị Thu T đã ký Hợp đồng vay tiền công chứng số 015287 do Văn phòng công chứng Gia Định. Theo đó, bà T cho ông Đ vay số tiền 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng, ông Đ đã nhận của bà T đầy đủ số tiền trên, lãi suất: 1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 16/11/2017. Tuy nhiên hết thời gian vay tiền trên, ông Đ không thực hiện thanh toán nợ cho bà T, kể từ ngày 16/11/2017

ông Đ liên tục trốn tránh và không trả nợ. Điều này là vi phạm các thỏa thuận đã ký và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bà T.

Kể từ ngày vay tiền đến nay, ông Đ không thanh toán được cho bà T một khoản tiền nào kể cả gốc và lãi. Tạm tính đến ngày 16/10/2019, ông Đ còn nợ bà T tổng cộng là 1.216.158.904 (Một tỷ hai trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi tám ngàn chín trăm lẻ bốn) đồng, trong đó: Nợ gốc là 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng, nợ lãi là 316.158.904 (Ba trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi tám ngàn chín trăm lẻ bốn) đồng (bao gồm nợ lãi trong hạn là 5.917.808 đồng, nợ lãi quá hạn là 310.241.096 đồng).

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày trên, nay bà T đề nghị Tòa án nhân dân Quận 3 giải quyết buộc ông Huỳnh Kim Đ phải có trách nhiệm trả nợ cho bà T số tiền tạm tính đến ngày 16/10/2019, ông Đ còn nợ bà T tổng cộng là 1.216.158.904 (Một tỷ hai trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi tám ngàn chín trăm lẻ bốn) đồng, trong đó: Nợ gốc là 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng, nợ lãi là 316.158.904 (Ba trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi tám ngàn chín trăm lẻ bốn) đồng (bao gồm nợ lãi trong hạn là 5.917.808 đồng, nợ lãi quá hạn là 310.241.096 đồng). Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi Quyết định hoặc Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Huỳnh Kim Đ đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định của pháp luật, nhưng ông Đ vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T có ông K đại diện theo ủy quyền có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Huỳnh Kim Đ vắng mặt không có lý do.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T có ông K đại diện theo ủy quyền đề nghị Tòa án nhân dân Quận 3 giải quyết buộc ông Huỳnh Kim Đ phải có trách nhiệm trả nợ cho bà T số tiền tạm tính đến ngày 03/7/2020, tổng cộng là: 1.332.000.000 (Một tỷ ba trăm ba mươi hai triệu) đồng, trong đó: Nợ gốc là: 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng, nợ lãi là 432.000.000 (Bốn trăm ba mươi hai triệu) đồng (gồm nợ lãi trong hạn là 5.917.808 đồng, nợ lãi quá hạn là 426.082.192 đồng). Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Huỳnh Kim Đ mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số: 1254/TB-TLVA ngày 09/12/2019. Nhưng đều không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, cũng không có yêu cầu phản tố. Ngoài ra, Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần lượt vào các ngày 23/3/2020, ngày 26/5/2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng ông Đ đều vắng mặt không có lý do. Ông Đ cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 3 phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Căn cứ Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp: Xét quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn trong vụ án này là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự mà cụ thể là ‘tranh chấp hợp đồng vay tài sản’ được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thẩm quyền: Xét theo Kết quả xác minh ngày 10/01/2020 của Công an Phường 9, Quận 3 trả lời Phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án nhân dân Quận 3 ngày 10/01/2020 thể hiện: “Ông Huỳnh Kim Đ, SN 1985 có hộ khẩu thường trú tại 25/42 Trần Văn Đang, Phường 9, Quận 3, nhưng không thực tế cư trú tại địa phương từ tháng 9/2018 đến nay (trốn nợ), không rõ ông Đ cư trú tại đâu. Ông Đ là con ruột của chủ hộ bà Trương Thị Phước”. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3.

[2]. Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về số nợ gốc: Căn cứ Hợp đồng vay tiền số công chứng 015287 do Văn phòng công chứng Gia Định chứng thực ngày 27/10/2017. Theo đó, bà T cho ông Đ vay số tiền 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng, ông Đ đã nhận của bà T đầy đủ số tiền trên, với lãi suất: 1%/tháng, thời hạn vay: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 16/11/2017. Tuy nhiên hết thời gian vay tiền trên, ông Đ không thực hiện thanh toán nợ cho bà T, kể từ ngày 16/11/2017 ông Đ liên tục trốn tránh và không trả nợ cho bà T một khoản tiền nào kể cả gốc và lãi. Điều này là vi phạm các thỏa thuận đã ký và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bà T.

Theo Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Do đó, xét việc bà T khởi kiện yêu cầu ông Đ phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

- Về số nợ lãi: Tại Điều 3, Điều 4 của Hợp đồng vay tiền số công chứng 015287 do Văn phòng công chứng Gia Định chứng thực ngày 27/10/2017, các bên có thỏa thuận lãi suất trong hạn 1%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Theo Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20 %/năm của khoản tiền vay. Đồng thời theo khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Như vậy bà T yêu cầu ông Đ trả số tiền lãi bao gồm: Lãi trong hạn tính từ ngày 27/10/2017 đến ngày 16/11/2017 là  $[(900.000.000 \times 12\%) : 365 \text{ ngày}] \times 20 \text{ ngày} = 5.917.808$  (Năm triệu chín trăm mười bảy ngàn tám trăm lẻ tám đồng)]; Lãi quá hạn tính từ ngày 16/11/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử 03/7/2020 với mức lãi suất 1,5%/tháng, tương ứng với 18%/năm trên tổng số tiền vay 900.000.000 đồng. Cụ thể:  $[(900.000.000 \text{ đồng} \times 18\%) : 365 \text{ ngày}] \times 960 \text{ ngày} = 426.082.192$  (Bốn trăm hai mươi sáu triệu không trăm tám mươi hai ngàn một trăm chín mươi hai) đồng] là có cơ sở chấp nhận.

Từ phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T đối với ông Huỳnh Kim Đ về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn ông Huỳnh Kim Đ phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T được chấp nhận số tiền là 51.960.000 (Năm mươi một triệu chín trăm sáu mươi ngàn) đồng. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 266, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T:

Buộc ông Huỳnh Kim Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền là 1.332.000.000 (Một tỷ ba trăm ba mươi hai triệu) đồng, trong đó: nợ gốc là 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng, nợ lãi (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) là 432.000.000 (Bốn trăm ba mươi hai triệu) đồng.

Việc trả tiền được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Kim Đ phải chịu 51.960.000 (Năm mươi một triệu chín trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 26.655.000 (Hai mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0014902 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA Dân sự Q3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Tuấn**